

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2 MÔN CÔNG NGHỆ 10 (CNCN)

I. PHẦN TỰ LUẬN

BÀI 13: BIỂU DIỄN QUY ƯỚC REN

Câu 1: Các chi tiết có ren được sử dụng rộng rãi trong:

- A. Các loài động vật có sức mạnh lớn như hổ, gấu,... B. Các loài thực vật có thân gỗ cứng
C. Các máy móc, thiết bị và trong đời sống. D. Tất cả các lĩnh vực.

Câu 2: Đâu **không** phải một chi tiết có ren?



Câu 3: Câu nào sau đây **không** đúng về quy định biểu diễn đối với ren nhìn thấy?

- A. Đường đỉnh ren được vẽ bằng nét liền đậm.
B. Đường giới hạn ren được vẽ bằng nét liền đậm.
C. Đường chân ren được vẽ bằng nét liền đậm.
D. Vòng đỉnh ren được vẽ bằng nét liền đậm.

Câu 4: Ren hệ mét được kí hiệu là gì?

- A. Metre B. M C. Sq D. Tr

Câu 5: Ren trong là ren:

- A. Được hình thành ở mặt ngoài.
B. Được hình thành ở mặt trong của chi tiết.
C. Ren tạo nên phương thức kết nối bán dẫn.
D. Được hình thành ở mặt ngoài hoặc trong của chi tiết

Câu 6: Vòng chân ren của ren nhìn thấy được vẽ như thế nào?

- A. Vẽ hở bằng nét liền mảnh. B. Vẽ hở bằng nét liền đậm.
C. Vẽ kín bằng nét chấm gạch. D. Vẽ kín bằng nét đứt mảnh.

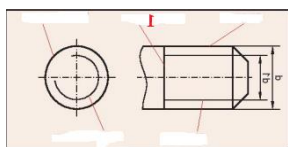
Câu 7: Trường hợp ren bị che khuất thì:

- A. Các đường đỉnh ren, chân ren và giới hạn ren đều được vẽ bằng nét liền mảnh.
- B. Các đường đỉnh ren, chân ren và giới hạn ren đều được vẽ bằng nét đứt mảnh.
- C. Đường đỉnh ren và chân ren được vẽ liền mảnh còn giới hạn ren thì vẽ bằng nét đứt mảnh.
- D. Đường đỉnh ren và chân ren được vẽ bằng nét đứt mảnh còn giới hạn ren thì vẽ bằng nét liền mảnh.

Câu 8: Trong kí hiệu ren thì ghi những gì?

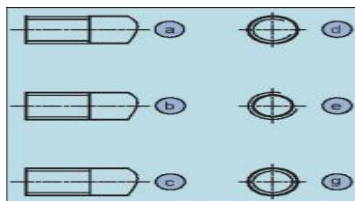
- A. Kí hiệu hình dạng ren, kích thước đường kính của ren, bước của ren, hướng xoắn đối với ren trái.
- B. Kí hiệu hình dạng ren, kích thước đường kính của ren, bước của ren, hướng xoắn đối với ren phải.
- C. Kí hiệu hình dạng ren, kích thước bán kính ren, số vòng xoắn đối với ren trên.
- D. Kí hiệu hình dạng ren, kích thước bán kính ren, số vòng xoắn đối với ren dưới.

Câu 9: Số 1 trong hình là gì?



- A. Đỉnh ren
- B. Chân ren
- C. Giới hạn ren
- D. Vòng chân ren

Câu 10: Hình nào biểu diễn đúng cho ren trục?



- A. a, b, e
- B. c, d, g
- C. a, c
- D. b, d

BÀI 14: BẢN VẼ CƠ KHÍ

Câu 1: Bản vẽ chi tiết **không** bao gồm thành phần nào?

- A. Hình biểu diễn
- B. Kích thước
- C. Lí do thực hiện
- D. Khung tên.

Câu 2: Độ nhám bề mặt là gì?

- A. Là một trị số nói lên mức rắn chắc của bề mặt chi tiết.

- B. Là một trị số nói lên độ nhấp nhô của bề mặt chi tiết.
- C. Là mức độ an toàn của chi tiết sau khi gia công.
- D. Là mức độ thích ứng với các bộ phận khác của một chi tiết sau khi gia công.

Câu 3: Dung sai kích thước là gì?

- A. Là tổng kích thước của chi tiết trước và sau quá trình gia công.
- B. Là tổng các tính toán ban đầu về kích thước của một chi tiết sau khi gia công.
- C. Là hiệu giữa trung bình kích thước của chi tiết sau mỗi lần gia công.
- D. Là hiệu giữa kích thước giới hạn lớn nhất và kích thước giới hạn nhỏ nhất.

Câu 4: Bước đầu tiên khi lập bản vẽ chi tiết là gì?

- A. Chọn phương án biểu diễn
- B. Tìm hiểu công dụng, yêu cầu kỹ thuật của chi tiết
- C. Ghi kích thước, các yêu cầu kỹ thuật và nội dung khung tên
- D. Vẽ các hình biểu diễn

Câu 5: Trong bản vẽ chi tiết, các hình biểu diễn thể hiện:

- A. Hình dạng của chi tiết máy
- B. Cơ chế vận hành của chi tiết máy
- C. Hình dạng của ren xoắn
- D. Trong bản vẽ chi tiết không có các hình biểu diễn.

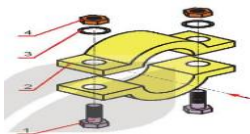
Câu 6: Trong bản vẽ chi tiết, các kích thước thể hiện:

- A. Tốc độ quay của các bộ phận chi tiết máy.
- B. Hình dáng của chi tiết
- C. Độ lớn các bộ phận của chi tiết máy.
- D. Quy mô hoạt động của các bộ phận chi tiết máy.

Câu 7: Kí hiệu 56 ± 0.1 khi ghi dung sai kích thước có nghĩa là:

- A. Kích thước ban đầu là 56.0; kích thước sau khi gia công nằm trong khoảng 55 đến 57.
- B. Kích thước ban đầu là 56.0; kích thước sau khi gia công nằm trong khoảng 55.9 đến 56.1.
- C. Kích thước giới hạn lớn nhất bằng 57; kích thước giới hạn nhỏ nhất bằng 55 và dung sai bằng 2.
- D. Kích thước giới hạn lớn nhất bằng 56.1; kích thước giới hạn nhỏ nhất bằng 55.9 và dung sai bằng 0.2.

Câu 8: Bộ vòng đai sau gồm mấy bu lông?



- A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

Câu 9: Bảng kê trong bản vẽ lắp bao gồm những thông tin nào?

- A. Tên các chi tiết, số lượng và vật liệu chế tạo
B. Tên các chi tiết, quy trình thực hiện, thời gian thực hiện
C. Số lượng chi tiết, các xử lý chi tiết.
D. Vật liệu chế tạo, quy cách chế tạo, phương thức thể hiện

Câu 10: Tìm đáp án sai. Đọc được bản vẽ lắp là hiểu được đầy đủ và chính xác các nội dung của bản vẽ lắp bao gồm:

- A. Hiểu rõ được hình dáng, cấu tạo của từng chi tiết và chức năng của nó trong sản phẩm.
B. Hiểu rõ mối ghép của các chi tiết với nhau.
C. Nắm được nguyên lí làm việc, công dụng và trình tự tháo lắp của sản phẩm, các nội dung quản lí bản vẽ.
D. Biết được kích thước cụ thể từng chi tiết.

BÀI 15: BẢN VẼ XÂY DỰNG

Câu 1: Quá trình thiết kế một công trình thường trải qua mấy giai đoạn?

- A. Hai B. Ba C. Bốn D. Năm

Câu 2: Đâu **không** phải một loại bản vẽ xét theo tính chất của bản vẽ?

- A. Bản vẽ kiến trúc B. Bản vẽ kết cấu
C. Bản vẽ vẽ điện D. Bản vẽ tốc độ xây dựng

Câu 3. Đây là hình chiếu gì?



- A. Hình chiếu mặt bằng B. Hình chiếu phối cảnh

C. Hình chiếu thực tế

D. Hình chiếu đa chiều

Câu 4: Mặt bằng các tầng của ngôi nhà là gì?

A. Mặt thể hiện trình độ tư duy khoa học và tinh thần của người chủ nhà.

B. Số lượng các phòng tương ứng với kích thước của ngôi nhà.

C. Hình cắt bằng với các mặt phẳng cắt tường tượng nằm ngang đi qua cửa sổ (cách mặt sàn khoảng 1.5m)

D. Là hình chiếu bằng của ngôi nhà.

Câu 5: Các hình vẽ cơ bản của hồ sơ kiến trúc **không** bao gồm:

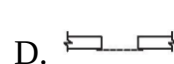
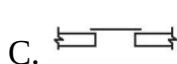
A. Bản vẽ mặt bằng tổng thể

B. Các hình chiếu thẳng góc của công trình bao gồm mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt.

C. Các bản vẽ thiết kế về đồ ăn, thức uống, nhu cầu giải trí,...

D. Các bản vẽ thể hiện các chi tiết kiến trúc, chi tiết cấu tạo,...

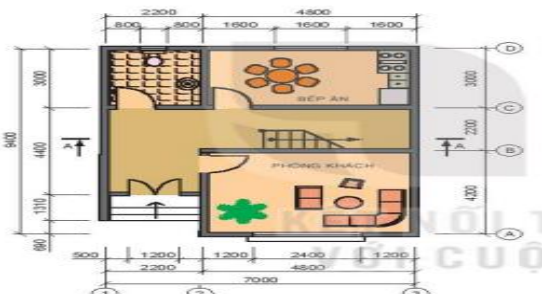
Câu 6: Đây là kí hiệu cửa đi đơn một cánh?



Câu 7: Đây là kí hiệu của vật liệu là kim loại?



Câu 8: Câu nào sau đây **không** đúng về bản vẽ nhà sau?



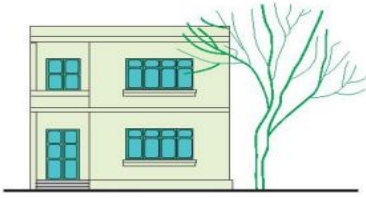
A. Số phòng là 3.

B. Chức năng của phòng khách là để tiếp khách

C. Bếp ăn có chiều dài là 7000, chiều rộng là 3000.

D. Phòng vệ sinh có bồn cầu và bồn rửa.

Câu 9: Hình dáng chung của ngôi nhà này là gì?



- A. Hình vuông B. Hình tam giác C. Hình thang D. Hình tròn

Câu 10: Cho các bước tiến hành đọc bản vẽ nhà:

1. Đọc các hình cắt theo vị trí của mặt phẳng cắt ghi trên mặt bằng tầng một, kết hợp việc đọc mặt bằng mỗi tầng để hiểu rõ hơn không gian mỗi tầng bên trong nhà.
2. Lần lượt đọc bản vẽ mặt bằng các tầng để hiểu cách bố trí các khu chức năng bên trong ngôi nhà: hành lang, các phòng, các loại cửa, cầu thang, khu phụ,...
3. Trước hết đọc bản vẽ các mặt đứng để hình dung ra hình dáng kiến trúc bên ngoài ngôi nhà.

Hãy sắp xếp lại theo trình tự đúng.

- A. 1, 3, 2 B. 3, 2, 1 C. 2, 3, 1 D. 3, 1, 2

Câu 11: Cho các bước lập bản vẽ mặt bằng của ngôi nhà:

1. Ghi kích thước.
2. Vẽ đường bao quanh của hệ thống các cột, tường và vách ngăn.
3. Vẽ hệ thống trục của các tường hoặc cột bằng nét gạch chấm mảnh. Các trục này được đánh số bằng các chữ in hoa A, B, C,... và các chữ cái 1, 2, 3...
4. Vẽ kí hiệu cầu thang các tầng. Vẽ các bộ phận nằm phía dưới mặt phẳng cắt như cửa sổ, các thiết bị nội thất, vệ sinh,... bằng nét liền mảnh.

Hãy sắp xếp lại theo trình tự đúng.

- A. 1, 2, 4, 3 B. 4, 2, 3, 1 C. 3, 2, 4, 1 D. 2, 3, 1, 4

BÀI 16: VẼ KỸ THUẬT VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH

Câu 1: Các phần mềm thiết kế với sự hỗ trợ của máy tính được gọi là:

- A. Các phần mềm Photoshop B. Các phần mềm CAD
C. Các phần mềm Drawing D. Công cụ Painting

Câu 2: Ưu điểm cơ bản của việc lập bản vẽ bằng máy tính là gì?

- A. Bản vẽ được lập một cách chính xác và nhanh chóng.

B. Dễ dàng sửa chữa, bổ sung, lưu trữ bản vẽ.

C. Chỉ cần một thao tác là có thể giải quyết tất cả.

D. Bản vẽ được lập một cách chính xác và nhanh chóng và dễ dàng sửa chữa, bổ sung, lưu trữ bản vẽ.

Câu 3: *Thực đơn* là thành phần nào trong AutoCAD?

A. Phần có các biểu tượng, tương ứng với các lệnh.

B. Phần không gian lớn nhất ở trung tâm màn hình

C. Phần nằm dưới cùng của cửa sổ.

D. Phần hàng chữ nằm trên cùng.

Câu 4: Trong AutoCAD, dòng lệnh là nơi để:

A. Hiện thị nội dung của bản vẽ.

B. Nhập lệnh, nhập dữ liệu.

C. Phát triển công cụ hoặc tùy biến chương trình dành cho lập trình viên.

D. Hiện thị gốc tọa độ.

Câu 5: CAD là viết tắt của:

A. Computer-Aided Design

B. Computer-Aided Drawer

C. Computer-Assisted Diagram

D. Computer-Assisted Desaturater

Câu 6: Câu nào sau đây **không** đúng về *Thanh công cụ* trong AutoCAD?

A. Trên thanh công cụ có nhiều nút bấm, mỗi nút có biểu tượng riêng, tương ứng với một lệnh

B. Có thể thực hiện lệnh bằng cách kích chuột phải tại nút lệnh tương ứng.

C. Thanh công cụ được chia thành các nhóm chức năng để tiện sử dụng như: nhóm các lệnh vẽ, nhóm các lệnh hiệu chỉnh, nhóm lệnh ghi kích thước,...

D. Thanh công cụ nằm ngay bên dưới thực đơn.

Câu 7: Trong AutoCAD, nút lệnh nào dùng để vẽ cung tròn?

A. 

B. C. 

D. 

Câu 8: Trong AutoCAD, ứng dụng của lệnh *Chamfer* là gì?

- A. Viền tròn: Nối 2 đường bằng một cung tròn
- B. Vát góc: Nối 2 đường bằng một đoạn thẳng
- C. Cắt bỏ một phần đối tượng
- D. Tuỳ chỉnh đường thẳng, sử dụng cung và điểm

Câu 9: Trong AutoCAD, đâu là lệnh *Offset*?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 10: Trong AutoCAD, đâu là cách vẽ hình chữ nhật?

- A. Kích nút lệnh trên thanh công cụ hoặc nhập lệnh từ bàn phím: L ↵, cho điểm đầu, cho điểm tiếp theo,... Kết thúc lệnh bằng nhấn nút enter trên bàn phím.
- B. Kích nút lệnh trên thanh công cụ hoặc nhập lệnh từ bàn phím: C ↵, cho điểm tâm, cho bán kính.
- C. Kích nút lệnh trên thanh công cụ hoặc nhập lệnh từ bàn phím: Arc ↵, cho điểm thứ nhất, cho điểm thứ hai, cho điểm thứ ba.
- D. Kích nút lệnh trên thanh công cụ hoặc nhập lệnh từ bàn phím: rec ↵, cho điểm thứ nhất, cho điểm thứ hai (góc đối diện).

BÀI 17:

KHÁI QUÁT VỀ THIẾT KẾ KỸ THUẬT

Câu 1: Kết quả của hoạt động thiết kế kỹ thuật là gì?

- A. Kỹ thuật mới trong chế tạo sản phẩm kỹ thuật.
- B. Giải pháp, sản phẩm công nghệ.
- C. Sản phẩm mỹ thuật.
- D. Sản phẩm công nghệ.

Câu 2: Hoạt động thiết kế kỹ thuật **không** bao gồm bước nào sau đây?

- A. Tìm kiếm nguồn tài trợ
- B. Đề xuất, lựa chọn và hiện thực hoá giải pháp
- C. Thử nghiệm, đánh giá
- D. Điều chỉnh giải pháp giải quyết vấn đề.

Câu 3: Hãy cho biết tên gọi và ứng dụng của sản phẩm dưới đây.



- A. Máy bay, sử dụng để vận chuyển hàng hoá xuyên hai cực của trái đất.
- B. Máy bay, sử dụng để vận chuyển hành khách ở tốc độ rất cao.
- C. Tên lửa, sử dụng để bắn phá các mục tiêu
- D. Tên lửa, sử dụng để gia tăng tiềm lực kinh tế quốc gia.

Câu 4: Kiến trúc sư cảnh quan lên kế hoạch và thiết kế cảnh quan, không gian mở cho các dự án. Đây không phải một dự án như vậy?

- A. Công viên, trường học
- B. Tàu chở hàng xuyên đại dương
- C. Khu vực bên ngoài cho các khu thương mại.
- D. Đường giao thông

Câu 5: Cho đoạn văn nói về vai trò phát triển sản phẩm của hoạt động kỹ thuật:

“(1) Hoạt động thiết kế kỹ thuật thường gắn liền với phát triển sản phẩm. (2) Đó đều là những sản phẩm được phát triển từ phiên bản trước của chính sản phẩm đó. (3) Sản phẩm của hoạt động thiết kế kỹ thuật rất đa dạng, phong phú, từ đơn giản đến phức tạp và phản ánh mọi khía cạnh của đời sống xã hội. (4) Điều này sẽ thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển, làm cho cuộc sống con người ngày càng tiện nghi.”

Câu nào trong đoạn trên **không** đúng?

- A. (2)
- B. (3)
- C. (3), (4)
- D. Không có câu nào.

Câu 6: Câu nào sau đây **không** đúng?

- A. Các bài toán thiết kế rất đa dạng, phong phú, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.
- B. Sản phẩm thiết kế của một bài toán cho trước cũng rất đa dạng, phong phú, phản ánh đặc điểm đa phương án của các hoạt động thiết kế.
- C. Người làm nghề thiết kế hoạt động chân tay là chính, có tư duy thời gian và lập luận logic tốt, có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực thẩm mỹ.
- D. Các nhà thiết kế còn có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm đồ họa hỗ trợ hoạt động thiết kế.

Câu 7: Đây là một hoạt động chính của nhà thiết kế và trang trí nội thất?

- A. Lên kế hoạch và thiết kế nội thất nhà thương mại, công nghiệp
- B. Nghiên cứu các tác phẩm văn học phục vụ cho nghệ thuật
- C. Sản xuất, công bố các bài báo liên quan đến toán thiết kế
- D. Lên kế hoạch, đổi mới kỹ thuật bán dẫn cho linh kiện điện tử

Câu 8: Nhà thiết kế thời trang khó tìm được việc làm ở đâu?

- A. Các công ti thiết kế, sản xuất hàng dệt may, thời trang
- B. Các nhà xuất khẩu, bán lẻ hàng dệt may, thời trang
- C. Công viên cây xanh, thiết kế cảnh quan
- D. Các đơn vị tổ chức trình diễn thời trang và xuất bản tạp chí thời trang...

Câu 9: Sản phẩm dưới đây thuộc nghề nghiệp nào?



- A. Kiến trúc sư xây dựng
- B. Kiến trúc sư cảnh quan
- C. Nhà thiết kế và trang trí nội thất
- D. Nhà thiết kế sản phẩm

II. PHẦN TỰ LUẬN

- BÀI 13: BIỂU DIỄN QUY ƯỚC REN(2 điểm)
- BÀI 16: VẼ KỸ THUẬT VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH(1 điểm)